

Bản án số: 36 /2020/HSST
Ngày : 29 - 4 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Danh Tuyên
2. Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Thanh Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/HSST ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST – HS ngày 15 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị H, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1983 tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ A; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y (Đã chết) và bà Trần Thị V (sinh năm 1961); chồng: Chong Seen H (sinh năm 1967, Quốc tịch: Malaysia); con: có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: Ngày 16 tháng 01 năm 2018 bị Công an huyện Nghi Lộc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác, đã nộp phạt vào ngày 17 tháng 01 năm 2018; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xử phạt 05 tháng 03 ngày tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Văn S, sinh năm 1953; nơi cư trú: Xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.
2. Chị Ngô Thị M, sinh năm 1989; nơi cư trú: Xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Anh Trương Văn X, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Đậu Văn T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Xóm 3, xã Nghi P, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Anh Đặng Văn H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02 năm 2018, ông Ngô Văn S liên hệ với Nguyễn Thị H để vay số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*). H đồng ý và yêu cầu phải có tài sản thế chấp. Sáng ngày 09 tháng 02 năm 2018, ông S đến nhà H đưa cho H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ngô Thị M và Trương Văn X (Là con gái và con rể của ông S) đối với Thửa đất số 1882, Tờ bản đồ số 9, có diện tích 157m², địa chỉ tại Xóm 14, xã Nghi P, huyện N, tỉnh Nghệ An để thế chấp cho H. Do không phải Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S nên H đưa cho ông Sang 01 bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất để ông S làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho H. Ông S đến Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An nhờ ông Đậu Văn T (Là cán bộ địa chính xã N) viết hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất từ sở hữu chị Ngô Thị M và anh Trương Văn X sang cho H. Quá trình làm hồ sơ chuyển nhượng, ông S không trao đổi với chị M và anh X mà tự giả mạo chữ ký của chị M, anh X trong hồ sơ chuyển nhượng. Chủ tịch UBND xã N là ông Nguyễn Trọng T đã ký chứng thực vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chị M và anh X cho H.

Sau khi được UBND xã N chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Ngô Văn S đem bộ hồ sơ đến nhà Nguyễn Thị H. H nhận bộ hồ sơ chuyển nhượng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ngô Thị M và Trương Văn X. Ông S viết giấy vay H số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay tiền là 01 tháng từ ngày 09 tháng 02 năm 2018 đến ngày 08 tháng 3 năm 2018, hai bên thống nhất lãi suất cho vay là 5.000 đồng/triệu/ngày, tổng số tiền lãi suất phải trả 01 tháng là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). H trừ trước tiền lãi suất 01 tháng là 12.000.000 đồng và đưa cho ông S số tiền là 68.000.000 đồng. Nguyễn Thị H ghi vào quyển sổ nhãn hiệu New way nội dung: “*Ông Ngô Văn S vay số tiền 80.000.000 đồng, 1 tháng từ ngày 09/2/2018 đến 08/3/2018, đã thanh toán trước 1 tháng 12.000.000 đồng*” và đưa cho ông S ký xác nhận vào, đồng thời H ghi nội dung: “*Đã thanh toán LS một tháng*” vào tờ giấy vay tiền do ông S viết (Bản phô tô) và giao cho ông S.

Ngày 18 tháng 3 năm 2018, ông Ngô Văn S đến nhà Nguyễn Thị H để trả số tiền lãi suất phát sinh trong thời gian 10 ngày từ ngày 09 tháng 3 năm 2018 đến ngày 18 tháng 3 năm 2018 là 4.000.000 đồng. H “mừng tuổi” cho ông Sang 300.000 đồng

nên ông S trả cho H số tiền 3.700.000 đồng. Huyện ghi thêm vào quyển sổ nhận hiệu New way nội dung “*Chuyển từ 9/3 thêm 10 ngày = 18/3/2018. Trả 3.700.000*”, ông S và H thống nhất lại thời gian vay tiền là 03 tháng.

Sau đó, Nguyễn Thị H nhiều lần yêu cầu ông Ngô Văn S trả tiền gốc và tiền lãi suất. Do ông S không trả được tiền gốc và tiền lãi suất nên H đã nhờ người nộp hồ sơ chuyển nhượng đất cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng thửa đất mang tên Ngô Thị M và Trương Văn X sang cho H. Hồ sơ được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N tiếp nhận vào ngày 09 tháng 7 năm 2018. Ngày 01 tháng 8 năm 2018, UBND huyện N đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H đối với Thửa đất số 1882, Tờ bản đồ số 9, có diện tích 157m², địa chỉ tại xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Trước khi nộp hồ sơ đề nghị Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N chuyển quyền sử dụng đất, H không trao đổi gì với ông S về việc **làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, việc** xác định giá trị chênh lệch giữa thửa đất **trên** với số tiền gốc và tiền lãi suất ông S đã vay của H, cũng không thỏa thuận với ông S về việc trừ số tiền lãi suất mà ông S đã trả cho H **trước đó**.

Đến tháng 3 năm 2019, ông Ngô Văn S gặp Nguyễn Thị H xin trả tiền gốc và lãi thì H buộc ông S phải chịu thêm chi phí chuyển quyền sử dụng đất thửa đất của chị M, anh X sang cho H nhưng ông S không đồng ý. Đến ngày 01 tháng 4 năm 2019, ông S tiếp tục gọi điện cho H để thỏa thuận về việc trả tiền gốc và tiền lãi suất thì Huyện yêu cầu ông S phải tính thêm 1,5% số tiền lãi suất của 13 tháng (Từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 3 năm 2019). Ông S đề nghị trả cho H mức lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày, H đồng ý nhưng vẫn **giữ nguyên** yêu cầu ông S phải trả thêm chi phí chuyển quyền sử dụng đất **như đã nêu trên. Tuy nhiên** sau đó, ông S vẫn chưa trả được số tiền gốc và tiền lãi suất cho H. Sau khi H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Nghệ An bắt giữ về hành vi cưỡng đoạt tài sản **trong một vụ án** khác thì ông S tố giác hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của H.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Nghệ An, thửa đất thuộc Lô số 1882, tờ bản đồ số 9, có diện tích 157m², địa chỉ ở Xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An tại thời điểm tháng 7 năm 2018 có trị giá là 141.300.000 đồng (*Một trăm bốn mươi một triệu, ba trăm nghìn đồng*) **nên cần tính số tiền gốc cho vay và số tiền** lãi suất Nguyễn Thị H thu được là 141.300.000 đồng **tính từ ngày 09 tháng 02 năm 2018** (Thời **điểm** H cho ông S vay tiền) **đến ngày** 01 tháng 8 năm 2018 (Thời **điểm** UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H). Số tiền 141.300.000 đồng trừ đi số tiền gốc cho vay là 80.000.000 đồng, còn lại 61.300.000 đồng. Trước đó, ông S đã trả tiền lãi suất cho H 02 lần với tổng số tiền là 15.700.000 đồng nên tổng số tiền lãi suất H thu được **trong hợp đồng cho vay này** là 77.000.000 đồng. Tổng thời gian cho vay **của hợp đồng cho vay** là 173 ngày (tương đương 05 tháng 23 ngày); Lãi suất cho vay hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/năm, tương đương 1,666%/tháng; **Tổng số tiền lãi suất hợp pháp** H được hưởng là 80.000.000 đồng x 1,666%/tháng x (05 tháng 23 ngày) = 7.685.813 đồng. **Như vậy**, số tiền lãi suất Nguyễn Thị H đã thu lợi bất chính là

77.000.000 đồng - 7.685.813 đồng = 69.314.187 đồng (*Sáu mươi chín triệu, ba trăm mười bốn nghìn, một trăm tám bảy đồng*).

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị H không thừa nhận hành vi cho vay lãi nặng của mình mà đã khai việc vay tiền giữa ông S và H là vay trả góp, số tiền 12.000.000 đồng ông Sang trả trong đó có 1.200.000 đồng nợ lãi và 10.800.000 đồng nợ gốc. Ngoài ra, H còn khai số tiền 80.000.000 đồng là tiền H mua thửa đất của chị M và anh X, không phải tiền cho ông S vay. Giữa bị cáo và ông S đã làm Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất của anh X và chị M với giá 80.000.000 đồng, chứ không phải thế chấp để ông S vay tiền.

Tuy nhiên tại phiên Tòa, Nguyễn Thị H đã thừa nhận hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Việc làm hồ sơ chuyển nhượng thửa đất của anh X và chị M cho bị cáo thực chất là để bảo đảm nghĩa vụ khoản vay 80.000.000 đồng cho ông S, khi ông S trả hết nợ thì bị cáo sẽ hủy Hợp đồng chuyển nhượng và trả lại Giấy CNQSD đất cho ông S. Nhưng vì đã hết thời hạn thảo thuận là 03 tháng ông S không trả được nợ cho bị cáo nên bị cáo đã nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Nghi Lộc để sang tên bìa đất của anh X và chị M cho bị cáo, mục đích là để thu hồi khoản nợ ông S đã vay.

Ông Ngô Văn S thừa nhận ký giả mạo chữ ký của chị Ngô Thị M và anh Trương Văn X trong Hợp đồng chuyển nhượng đất cho Nguyễn Thị H khi làm hồ sơ chuyển nhượng mục đích để bảo đảm cho khoản vay 80.000.000 đồng mà ông đã vay của H. Ông S giữ nguyên toàn bộ lời khai của ông tại Cơ quan điều tra và thừa nhận nội dung bản cáo trạng là đúng.

Chị Ngô Thị M khai không biết việc cha của chị là ông S đã giả mạo chữ ký của vợ chồng chị để chuyển nhượng thửa đất cho H.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKS -HS, ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An truy tố Nguyễn Thị H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Thị H về tội danh, khung hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Thị H từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ; phạt tiền bổ sung từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt. Tuy nhiên bị cáo cho rằng mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo là quá cao; mặt khác bị cáo nay đang nuôi 03 con còn nhỏ, hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt và miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

Ông Ngô Văn S không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát về quan điểm luận tội; ông xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Chị Ngô Thị M không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát về quan điểm luận tội. Chị đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi và trả lại Giấy CNQSD đất cho vợ chồng chị.

Lời nói sau cùng tại phiên tòa của bị cáo: bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nghi Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh, khung hình phạt, tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

2.1. Về tội danh, khung hình phạt: Lợi khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đã phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; các tài liệu chứng tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung của Bản cáo trạng. Do vậy, đủ cơ sở kết luận: Ngày 09 tháng 02 năm 2018, Nguyễn Thị H đã cho ông Ngô Văn S vay số tiền 80.000.000 đồng với thời gian vay ban đầu ấn định là 01 tháng, lãi suất cho vay theo thỏa thuận ban đầu là 5.000 đồng/triệu/ngày. Ông S và H đã làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất thuộc Lô số 1882, Tờ bản đồ số 9, có diện tích 157m², địa chỉ xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Thuộc chủ sở hữu của chị Ngô Thị M và anh Trương Văn X - là con gái và con rể của ông S), thực chất là để bảo đảm nghĩa vụ cho khoản vay 80.000.000 đồng ông S đã vay của H. Do đã quá hạn mà ông S không trả được tiền gốc, không trả đủ tiền lãi nên H đã **tự ý** nộp hồ sơ chuyển nhượng tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng thửa đất trên sang cho H. Đến ngày 01 tháng 8 năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện N đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H. Thửa đất tại thời điểm tháng 7 năm 2018 có giá trị là 141.300.000 đồng. Với số tiền cho vay là 80.000.000 đồng; thời gian vay là 173 ngày (tương đương 05 tháng 23 ngày, **tính từ ngày 09 tháng 02 năm 2018 đến ngày 01 tháng 8 năm 2018** (**Thời điểm** UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Thị H); số tiền giá trị thửa đất 141.300.000 đồng trừ đi số tiền gốc cho vay là 80.000.000 đồng, còn lại 61.300.000 đồng. Trước đó, ông S đã trả tiền lãi suất cho H 02 lần với tổng số tiền là 15.700.000 đồng nên tổng số tiền lãi suất H thu được **trong hợp đồng cho vay này** là 61.300.000 đồng + 15.700.000 đồng = 77.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi suất hợp pháp H được hưởng là 80.000.000 đồng x 1,666%/tháng x (05 tháng 23 ngày) = 7.685.813 đồng. **Như vậy**, số tiền lãi suất Nguyễn Thị H thu lợi bất chính là 77.000.000 đồng - 7.685.813 đồng = 69.314.187 đồng (*Sáu mươi chín triệu, ba trăm mười bốn nghìn, một trăm tám bảy đồng*).

Như vậy, với số tiền cho vay là 80.000.000 đồng; thời gian vay là 173 ngày (tương đương 05 tháng 23 ngày); số tiền lãi H thu lợi bất chính là: 69.314.187 đồng (*Sáu mươi*

chín triệu, ba trăm mười bốn nghìn, một trăm tám bảy đồng); tương đương với mức lãi suất là: 0,5008%/ngày, 15,024%/tháng, 180,288%/năm, cao gấp 9,0144 lần so với mức lãi suất cho vay cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 20%/năm. Hành vi trên của Nguyễn Thị H đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

2.2. Về tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân. Trong tình trạng hiện nay vẫn đề cho vay lãi nặng hoạt động theo kiểu “tín dụng đen” đang diễn ra hết sức phức tạp, là vấn đề nóng của xã hội, gây bức xúc trong nhân dân. Từ việc cho vay lãi nặng thường gắn với các băng nhóm tội phạm, làm phát sinh các loại tội phạm như cô ý gây thương tích, cưỡng đoạt tài sản, bắt giữ người trái pháp luật..... Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện, điều đó chứng tỏ bị cáo có ý thức coi thường pháp luật nên cần xử phạt nghiêm tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm để răn đe, giáo dục và đấu tranh phòng ngừa đối với loại tội phạm này.

2.3. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã có công giúp Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm; tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn S đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ông S cũng có một phần lỗi “lừa dối” bị cáo về việc giả mạo chữ ký của chị M và anh X để làm hồ sơ chuyển nhượng đất. Do vậy Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, giảm một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định mức hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

* Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Nhưng xét bị cáo H đã bị tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi hợp pháp và buộc phải trả lại toàn bộ số tiền lãi bất hợp pháp. Do vậy, Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3]. Về dân sự:

- Đối với số tiền lãi 15.700.000 đồng ông Ngô Văn S đã trả cho Nguyễn Thị H, xác định: Số tiền lãi suất hợp pháp H được hưởng là 80.000.000 đồng x 1,666%/tháng x (05 tháng 23 ngày) = 7.685.813 đồng phải truy thu sung vào ngân sách Nhà nước; số tiền lãi suất thu lợi bất chính là: 15.700.000 đồng – 7.685.813 đồng = 8.014.186 đồng buộc H phải trả lại cho ông S.

- Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất Lô số 1882, Tờ bản đồ số 9, có diện tích 157m², địa chỉ ở xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh

Nghệ An thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị Ngô Thị M và anh Trương Văn X cho Nguyễn Thị H: Căn cứ Điều 127 và Điều 407 của Bộ luật dân sự thì Hợp đồng trên vô hiệu do bị “lừa dối”; căn cứ khoản 1 Điều 131 của Bộ luật dân sự thì: *“Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập”*, tại khoản 2 quy định: *“Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận”*. Căn cứ vào quy định trên thì thửa đất số 1882, Tờ bản đồ số 9, có diện tích 157m² phải hoàn trả lại cho chị M và anh X. Tuy nhiên, phải giải quyết hậu quả của Hợp đồng trên theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, nên cần tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi một trong các bên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do việc chuyển nhượng thửa đất thuộc Lô số 1882, Tờ bản đồ số 9, có diện tích 157m², địa chỉ ở xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cho Nguyễn Thị H là vô hiệu nên phải hoàn trả lại cho chị M và anh X. Vì vậy, phải truy thu sung ngân sách Nhà nước từ ông Ngô Văn S khoản tiền 80.000.000 đồng (Tiền gốc, là phương tiện phạm tội), ông S vay mà chưa trả cho H.

- Đối với số tiền 61.300.000 đồng là tiền chênh lệch trị giá của thửa đất và số tiền gốc ông S đã vay của H, do Hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu và được tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác, nên hậu quả sẽ được giải quyết khi một trong các bên khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[4]. Về vật chứng:

- Đối với 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO170708 do UBND huyện Nghi Lộc cấp ngày 01 tháng 8 năm 2018 mang tên Nguyễn Thị H; 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 142565 do UBND huyện N cấp ngày 25 tháng 01 năm 2018 mang tên chị Ngô Thị M và anh Trương Văn X: Xét các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên có liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án và có liên quan đến việc giải quyết vụ kiện dân sự khác, do vậy cần tiếp tục tạm giữ đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

- Đối với 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 410032 do UBND huyện N cấp ngày 04 tháng 01 năm 2015 mang tên Nguyễn Thanh M và Nguyễn Thị D, không liên quan đến hành vi phạm tội; theo Nguyễn Thị H trình bày Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên có liên quan đến một giao dịch dân sự khác giữa anh M, chị D với H; do vậy trả lại cho H để giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự khi các bên liên quan có yêu cầu. Y sai Giấy chứng nhận trên để lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với 02 (Hai) quyển sổ ghi chép gồm: 01 quyển sổ A4 có kích thước 30cm x 20cm, ngoài bìa có chữ Hồng Hà, các trang trong quyển sổ có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị H và đóng dấu bút lục của Cơ quan điều tra; 01 quyển sổ A4, màu xanh, trên quyển sổ có chữ Hồng Hà, các trang trong quyển sổ có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị H và đóng dấu bút lục của Cơ quan điều tra. Xét 02 quyển sổ này không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bản gốc cho Nguyễn Thị H. Y sao 02 quyển sổ trên để lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 quyển sổ màu xanh có các sọc kẻ, có chữ New way, các trang trong quyển sổ có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị H và đóng dấu bút lục của Cơ quan điều tra;

tại trang 16 của quyển sổ này có ghi chép việc Nguyễn Thị H cho ông Ngô Văn S vay tiền, là chứng cứ trong vụ án. Tuy nhiên trong quyển sổ này còn ghi chép nhiều giao dịch dân sự giữa H với nhiều người khác không liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án. Do vậy, cần tịch thu trang 16 của quyển sổ này; đối với các trang khác trong quyển sổ không liên quan đến vụ án nên trả lại cho H và y sao lại để lưu hồ sơ vụ án.

- 01 (Một) gói niêm phong, bên ngoài có chữ ký của Nguyễn Thị H và những người tham gia niêm phong, bên trong có 01 thẻ USB nhãn hiệu Kingsion DTSE9 08GB lưu trữ các file dữ liệu trong máy điện thoại di động của Nguyễn Thị H. Xét chiếc USB trên có lưu giữ thông tin có liên quan đến chứng cứ trong vụ án nên cần tịch thu và lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- Đối với 56 giấy vay nợ; 06 hóa đơn bán hàng của Công ty TNHH thương mại & dịch vụ tổng hợp A (Trong đó ghi nội dung trả nợ); 01 tờ “giấy bán bò” ghi tên Nguyễn Văn M; 01 tờ giấy cắt từ quyển sổ ghi việc vay và trả nợ (được đánh số bút lục từ 42 đến 103 và 107, có đóng dấu bút lục của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An); xét các giấy tờ trên không liên quan đến vụ án; theo H khai các giấy tờ trên là các giao dịch dân sự giữa H và những người khác, do vậy cần trả lại cho Huyện để giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự khi các bên có liên quan có yêu cầu; y sao toàn bộ giấy tờ trên để lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Thị H, số tiền này là tài sản hợp pháp của H không liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ số tiền 8.286.522 đồng (Bao gồm số tiền truy thu 7.685.813 đồng và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, 400.709 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm); số tiền còn lại là: 91.713.348 đồng trả lại cho Nguyễn Thị H.

- Trong quá trình khám xét nơi ở của Nguyễn Thị H, Cơ quan điều tra còn tạm giữ các tài sản, tài liệu, giấy tờ sau: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của Nguyễn Thị H; 01 (Một) quyển sổ ghi chép, ngoài bìa có dòng chữ New Way và 01 (Một) tập hóa đơn bán hàng của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ tổng hợp A; 33 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị H và nhiều người khác; Một số giấy biên nhận vay tiền - xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Thị H và những người có liên quan. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về các vấn đề khác:

- Trong vụ án, ông Ngô Văn S đã giả mạo chữ ký của chị M và anh X trong Hợp đồng chuyển nhượng đất cho Nguyễn Thị H để vay số tiền 80.000.000 đồng, dẫn đến H đã sang tên bìa đất của chị M và anh X sang tên H. Tuy nhiên xét ông S không có ý thức chiếm đoạt tài sản của chị M và anh X; không vì mục đích vụ lợi; khi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất H không nói cho ông S biết nên hành vi của ông S không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đề nghị xử lý hành chính đối với ông S.

- Đối với những người liên quan đến việc chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên gồm: Đậu Văn T (Là cán bộ địa chính xã Ng, huyện N),

Đặng Văn H (Là cán bộ tư pháp xã N, huyện N) và Nguyễn Trọng T (Là Chủ tịch UBND xã N, huyện N), những người này không biết việc ông S giả mạo chữ ký của chị M, anh X không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn Thị H nên không phạm tội. Tuy nhiên, có thiếu sót, vi phạm trong quá trình chứng thực hợp đồng chuyển quyền sử dụng thửa đất trái pháp luật nên kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện N xem xét để có hình thức xử lý thích hợp về trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Tuyên xử:

1. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt Nguyễn Thị H 01 năm 08 tháng (*Một năm tám tháng*) cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án.

Giao Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị kết án.

* Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho Nguyễn Thị H.

2. Về dân sự: Căn điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước từ Nguyễn Thị H số tiền: 7.685.813 đồng (*Bảy triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm mười ba đồng*) là khoản tiền lãi phát sinh từ tội phạm cho vay lãi nặng của bị cáo.

- Buộc Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Ngô Văn S số tiền 8.014.186 đồng (*Tám triệu, không trăm mười bốn nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng*) là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm mà H đã thu lợi bất chính của ông S.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước từ ông Ngô Văn S khoản tiền: 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) tiền gốc, là phương tiện phạm tội, ông S vay nhưng chưa trả cho Nguyễn Thị H.

- Tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi một trong các bên có liên quan khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1882, tờ bản đồ số 9, diện tích 157m²; địa chỉ xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số CL 142565; sổ vào sổ cấp GCN: CH 02168/2018, ngày 25 tháng 01 năm 2018 mang tên chị Ngô Thị M và anh Trương Văn X cho Nguyễn Thị H.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; tuyên bố:

- Tiếp tục tạm giữ 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO170708 do UBND huyện Nghi Lộc cấp ngày 01 tháng 8 năm 2018 mang tên Nguyễn Thị H; 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 142565 do UBND huyện Nghi Lộc cấp ngày 25 tháng 01 năm 2018 mang tên chị Ngô Thị M và anh Trương Văn X để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi một trong các bên có liên quan có yêu cầu.

- Trả lại cho H 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 410032 do UBND huyện N cấp ngày 04 tháng 01 năm 2015 mang tên Nguyễn Thanh M và Nguyễn Thị D, không liên quan đến hành vi phạm tội; để giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự khi các bên liên quan có yêu cầu.

- Trả lại cho Nguyễn Thị H bản gốc 01 quyển sổ A4 có kích thước 30cm x 20cm, ngoài bìa có chữ Hồng Hà, các trang trong quyển sổ có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Huyền và đóng dấu bút lục của Cơ quan điều tra; 01 quyển sổ A4, màu xanh, trên quyển sổ có chữ Hồng Hà, các trang trong quyển sổ có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị H và đóng dấu bút lục của Cơ quan điều tra do 02 quyển sổ này không liên quan đến hành vi phạm tội. Y sao 02 quyển sổ trên để lưu hồ sơ vụ án.

- Tịch thu trang 16 của quyển sổ có chữ New way là chứng cứ trong vụ án. Trả lại cho Nguyễn Thị H các trang khác trong quyển sổ trên do không liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án; y sao quyển để lưu tại hồ sơ vụ án.

- Tịch thu và lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 (Một) gói niêm phong, bên ngoài có chữ ký của Nguyễn Thị H và những người tham gia niêm phong, bên trong có 01 thẻ USB nhãn hiệu Kingsion DTSE9 08GB lưu trữ các file dữ liệu trong máy điện thoại di động của Nguyễn Thị H, trong chiếc USB trên có lưu giữ thông tin có liên quan đến chứng cứ trong vụ án.

- Đối với số tiền: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Thị H, số tiền này là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị H không liên quan đến hành vi phạm tội: Tiếp tục tạm giữ số tiền 8.286.522 đồng (Bao gồm số tiền truy thu 7.685.813 đồng và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, 400.709 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm); số tiền còn lại là: 91.713.348 đồng (*Chín mươi một triệu, bảy trăm mười ba nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng*) trả lại cho Nguyễn Thị H. Số tiền trên hiện đang được tạm giữ trong tài khoản số: 3949.0.1012759 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 06 tháng 6 năm 2019.

- Trả lại cho Nguyễn Thị H bản gốc 56 giấy vay nợ; 06 hóa đơn bán hàng của Công ty TNHH thương mại & dịch vụ tổng hợp A; 01 tờ “giấy bán bò” ký tên Nguyễn Văn M; 01 tờ giấy cắt từ quyển sổ ghi việc vay và trả nợ (được đánh số bút lục từ 42 đến 103 và 107, có đóng dấu bút lục của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An); y sao toàn bộ giấy tờ trên để lưu hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.709 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh X vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL và NV liên quan;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Công an huyện Nghi Lộc;
- Chi cục THADS H. N;
- Lưu hồ sơ Vụ án; Văn phòng TA;

Trần Văn Phong